

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**NGHỊ ĐỊNH¹****Quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan;
trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu,
vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới**

Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

¹ Văn bản này được hợp nhất từ 02 Nghị định sau:

- Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2015.

- Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Nghị định trên.

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.*²

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan hải quan với các cơ quan nhà nước hữu quan, Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.
2. Cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm trong công tác phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.
3. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

Chương II

PHẠM VI CỤ THỂ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG HẢI QUAN

Điều 3. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa

Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa là các khu vực có ranh giới xác định tại một cửa

² Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, có căn cứ ban hành sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.”

khẩu được mở trên tuyến đường bộ, đường thủy nội địa trong khu vực biên giới đất liền được quy định tại Phụ lục³ kèm theo Nghị định này.

Điều 4. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa

Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa bao gồm:

1. Khu vực nhà ga sử dụng cho các chuyến tàu liên vận quốc tế đi, đến; nơi hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; sân ga, khu vực kho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.
2. Bến bãi và các khu vực sử dụng cho các chuyến tàu hỏa liên vận quốc tế đi, đến và thực hiện các dịch vụ vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.
3. Những khu vực có các chuyến tàu hỏa liên vận quốc tế chưa làm thủ tục hải quan, đang chịu sự giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan.

Điều 5. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu cảng hàng không dân dụng quốc tế

Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu cảng hàng không có vận chuyển quốc tế là ranh giới cụ thể của cảng hàng không được quy định trong quyết định phê duyệt quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, bao gồm:

1. Khu vực nhà ga hành khách, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
2. Khu vực cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế.
3. Khu vực xếp dỡ, chuyển tải, khu vực kho bãi chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được vận chuyển qua đường hàng không; kho lưu giữ hàng hóa, hành lý ký gửi, kho lưu giữ hàng hóa, hành lý thất lạc của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh.
4. Khu vực sân đỗ tàu bay.
5. Khu vực chứa và cấp nhiên liệu; khu vực thiết bị phục vụ mặt đất, khu vực sửa chữa, bảo dưỡng máy bay.
6. Đường công vụ.

³ Phụ lục phạm vi địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, đường thủy nội địa trong khu vực biên giới được thay thế theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.

Điều 6. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh bao gồm:

1. Khu vực ngăn cách tính từ đường ranh giới phía ngoài của vùng nước cảng có hàng hóa ra vào cảng phải chịu sự giám sát hải quan đến ranh giới các công cảng, cụ thể gồm các kho bãi, cầu cảng, nhà xưởng, khu hành chính và dịch vụ, vùng nước trước cầu cảng, vùng neo đậu, chuyên tải, vùng tránh bão, vùng nước của nhiều cảng gần kề nhau và luồng quá cảnh.

2. Khu vực đón trả hoa tiêu vào đến cảng và nơi quy định cho tàu, thuyền xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh neo đậu để chờ vào cảng biển, cảng thủy nội địa, neo đậu để chuyên tải và các luồng lạch từ các khu vực nói trên vào cảng biển, cảng thủy nội địa.

Điều 7. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại bưu điện quốc tế, khu vực chuyển phát nhanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu⁴

1. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại bưu điện quốc tế là khu vực thuộc điểm phục vụ bưu chính thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, lưu giữ bưu gửi với nước ngoài theo điều ước quốc tế của Liên minh bưu chính thế giới và các quy định về bưu chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực chuyển phát nhanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua dịch vụ chuyển phát nhanh.

Điều 8. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại các khu vực ngoài cửa khẩu

Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại các khu vực ngoài cửa khẩu là địa điểm cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan hoặc giám sát hải quan hoặc kiểm soát hải quan hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định của pháp luật về hải quan, bao gồm:

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.

1. Trụ sở cơ quan hải quan.

2.⁵ Các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu có doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa chịu sự giám sát, kiểm soát hải quan; khu thương mại tự do, khu chế xuất; trụ sở, kho hàng của doanh nghiệp chế xuất; khu phi thuế quan; khu vực ưu đãi hải quan khác; khu vực hải quan riêng.

3. Khu vực cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa, địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS); kho ngoại quan, kho bảo thuế, kho bãi chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh của các tổ chức vận tải kinh doanh và giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.

4. Các khu vực trên biển, trên sông, trên bộ khi có phương tiện vận tải neo, đậu, di chuyển để vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; hàng hóa, phương tiện vận tải chuyển tải, chuyển cửa khẩu, quá cảnh đang trong quá trình làm thủ tục hải quan và chịu sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan.

5. Trụ sở người khai hải quan khi kiểm tra sau thông quan, bao gồm: Nơi làm việc, nơi sản xuất, nơi cung ứng các dịch vụ, kho bãi, nhà xưởng, nơi lưu giữ, bảo quản, thuê, gửi hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan.

6. Kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế trong nội địa để bán hàng miễn thuế cho hành khách xuất cảnh, nhập cảnh.

7. Khu vực đang tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa tạm nhập, tái xuất.

8.⁶ Khu vực, địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cơ sở sản xuất, cơ sở gia công lại, công trình.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.

⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.

9. Địa điểm kiểm tra tập trung theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

10. Khu vực, địa điểm kiểm tra chung giữa Hải quan Việt Nam với Hải quan nước láng giềng tại khu vực cửa khẩu đường bộ trong lãnh thổ Việt Nam theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

11. Khu vực đang lưu giữ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chịu sự giám sát hải quan.

12. Nơi có phương tiện vận tải đang vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát, kiểm soát hải quan trên các tuyến đường.

Điều 9. Địa bàn hoạt động hải quan là khu vực, địa điểm khác

Phạm vi địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực, địa điểm khác đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, được phép xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ là ranh giới các khu vực, địa điểm ghi trong quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ.

Chương III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN, CÁC CƠ QUAN HỮU QUAN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP TRONG PHÒNG, CHỐNG BUÔN LẬU, VẬN CHUYỂN TRÁI PHÉP HÀNG HÓA QUA BIÊN GIỚI

Điều 10. Nguyên tắc phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới

1. Hoạt động phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới được thực hiện theo nguyên tắc nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, hiệp đồng hỗ trợ lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan.

2. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm phối hợp bảo đảm từng lĩnh vực chỉ có một cơ quan quản lý nhà nước chủ trì thực hiện, tránh sơ hở, chồng chéo, đồng thời không cản trở đến hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước khác.

3. Trong quá trình phối hợp nếu có vướng mắc thì các cơ quan nhà nước liên quan trực tiếp trao đổi, giải quyết trên cơ sở quy định của pháp luật; nếu không

thống nhất được thì báo cáo cấp trên trực tiếp của mỗi cơ quan để có biện pháp giải quyết. Trường hợp lãnh đạo các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan không thống nhất được thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 11. Nội dung phối hợp phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới

1. Trao đổi, cung cấp thông tin.
2. Tuần tra, kiểm soát, kiểm tra, truy đuổi, dùng phương tiện vận tải.
3. ⁷ Ngăn chặn, điều tra, lập hồ sơ và xử lý vi phạm.
4. Đào tạo, nâng cao nghiệp vụ.
5. Tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp

1. Khi cơ quan hải quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định của Luật Hải quan:

a) Cơ quan hải quan có trách nhiệm: Bố trí lực lượng, phương tiện, điều kiện vật chất, áp dụng các biện pháp để ngăn chặn, bắt giữ, điều tra, xử lý; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan phối hợp theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan đó và hỗ trợ các cơ quan này hoàn thành nhiệm vụ được phân công;

b) Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm: Thực hiện đúng yêu cầu phối hợp của cơ quan hải quan; tổ chức và điều động lực lượng, phương tiện, công cụ hỗ trợ khi cơ quan hải quan yêu cầu theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp.

2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan khi phối hợp với các cơ quan hữu quan: Hỗ trợ lực lượng, phương tiện theo yêu cầu; kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của cơ quan chủ trì theo đúng quy định của pháp luật hải quan.

⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.

Điều 13. Phối hợp trong trao đổi, cung cấp thông tin

Cơ quan hải quan, công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường và các lực lượng thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành của cơ quan hữu quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới:

1. Thông tin về tình hình vi phạm, hàng hóa vi phạm; phương thức, thủ đoạn vi phạm mới liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.
2. Thông tin về tình hình buôn bán, vận chuyển hàng hóa buôn lậu trên thị trường nội địa.
3. Thông tin về đường dây, ổ nhóm, các tuyến đường, địa bàn trọng điểm liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.
4. Thông tin về hàng hóa, đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.
5. Thông tin về vụ việc vi phạm đã bắt giữ, xử lý gồm: Tổ chức, cá nhân vi phạm; tên, chủng loại, xuất xứ hàng hóa vi phạm; cửa khẩu, khu vực biên giới hàng hóa được đưa vào nội địa, tuyến đường vận chuyển trong nội địa; phương thức, thủ đoạn buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Việc trao đổi, cung cấp, sử dụng và bảo mật thông tin phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 14. Phối hợp trong tuần tra, kiểm soát, kiểm tra, truy đuổi, dừng phương tiện vận tải

1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước hữu quan thường xuyên tuần tra, kiểm soát trên các tuyến, địa bàn biên giới và trên các địa bàn trọng điểm trong nội địa để kịp thời phát hiện đối tượng, đường dây, ổ nhóm buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.
2. Bộ đội biên phòng có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ cơ quan hải quan trong tuần tra, kiểm soát, kiểm tra, truy đuổi, dừng phương tiện tại các cửa khẩu biên giới đất liền, vùng nội thủy.
3. Cảnh sát biển có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ cơ quan hải quan trong tuần tra, kiểm soát, kiểm tra, truy đuổi, dừng phương tiện tại vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải.

4. Cảnh sát giao thông có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ cơ quan hải quan truy đuổi, dùng phương tiện vận tải ngoài địa bàn hoạt động hải quan.

5. Các cơ quan chức năng khác có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ lực lượng, phương tiện để truy đuổi, dùng phương tiện vận tải; bắt giữ đối tượng, hàng hóa, phương tiện vận tải khi nhận được yêu cầu hỗ trợ của cơ quan hải quan trong trường hợp truy đuổi liên tục từ trong địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan.

Điều 15. Phối hợp trong ngăn chặn, điều tra, lập hồ sơ và xử lý vi phạm⁸

1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, công an, quản lý thị trường và các cơ quan hữu quan khác thực hiện các biện pháp ngăn chặn, điều tra, lập hồ sơ và xử lý vi phạm liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu khi có yêu cầu.

2. Trong quá trình thực hiện các biện pháp ngăn chặn, điều tra, lập hồ sơ và xử lý vi phạm, theo đề nghị của cơ quan hải quan thì cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm:

a) Phối hợp lực lượng, hỗ trợ điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện khám người, phương tiện vận tải, đồ vật, nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo thủ tục hành chính và áp giải người vi phạm;

b) Phối hợp, hỗ trợ lực lượng, phương tiện trong việc lấy lời khai, thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ, mở rộng điều tra, xác lập chuyên án;

c) Phối hợp trong việc lập hồ sơ và xử lý các vụ việc vi phạm.

Điều 15a. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật⁹

Trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan

⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.

⁹ Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.

công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường và các cơ quan hữu quan khác tổ chức tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến công tác phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy định của pháp luật về phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

2. Chỉ đạo phối hợp hoạt động của các cơ quan nhà nước hữu quan tại địa phương trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên địa bàn.

3. Hỗ trợ cơ quan hải quan trong việc bố trí kho hàng, kho bãi tạm giữ hàng hóa, phương tiện vi phạm; tạo điều kiện trong đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để cơ quan hải quan nâng cao năng lực kiểm soát việc thực thi pháp luật, xây dựng ngành hải quan từng bước chính quy, hiện đại.

4. Đề xuất và kiến nghị với Chính phủ, với các Bộ, ngành sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách có liên quan đến công tác phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH¹⁰

¹⁰ Điều 2 và Điều 3 của Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2018.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này

Trong trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố sở tại xem xét, trình Chính phủ quyết định./.”

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2015.

Nghị định này thay thế Nghị định số 107/2002/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ quy định phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; quan hệ phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các hành vi khác vi phạm pháp luật hải quan.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại từng khu vực cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố sở tại xem xét, trình Chính phủ quyết định./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 16/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT*Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2018***KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Vũ Thị Mai**

Phụ lục**PHẠM VI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG HẢI QUAN TẠI KHU VỰC CỬA KHẨU ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TRONG KHU VỰC BIÊN GIỚI**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2018/NĐ-CP
ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ)

1. Tỉnh Quảng Ninh

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Bắc Luân	<ul style="list-style-type: none"> - Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia, giới hạn từ mốc giới số 1366(2) (tọa độ 21°33'12,485" vĩ độ Bắc, 107°56'44,020" kinh độ Đông) chạy dọc đường biên giới đến mốc giới số 1371(2) (tọa độ 21°32'48,250" vĩ độ Bắc, 107°59'57,992" kinh độ Đông) tại ngầm Lục Lâm thuộc phường Hải Hòa. - Chiều sâu vào nội địa là 01 km tính từ các vị trí có tọa độ nêu trên.
02	Cửa khẩu Ka Long	<ul style="list-style-type: none"> - Khu làm việc trụ sở liên ngành tại cửa khẩu. - Bãi kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. - Ranh giới khu vực cửa khẩu Ka Long: <ul style="list-style-type: none"> + Ranh giới về phía bên phải được tính từ bờ sông thuộc bãi kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu dọc theo sông Ka Long đến ngã ba Xoáy Nguồn. + Ranh giới về phía bên trái được tính từ bờ sông thuộc bãi kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu dọc theo sông Ka Long đến chân cầu Ka Long. - Địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu Km3 + Km4.
03	Cửa khẩu Hoành Mô	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực trụ sở làm việc liên ngành. - Ngầm biên giới. - Bãi kiểm tra hàng. - Ranh giới khu vực cửa khẩu Hoành Mô là: <ul style="list-style-type: none"> + Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại khu vực cửa khẩu.

		<p>+ Ranh giới về bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới nối đến điểm cuối chợ Đồng Văn thuộc xã Đồng Văn mốc giới số 1321(3) (tọa độ 21°35'20,068" vĩ độ Bắc, 107°32'34,732" kinh độ Đông).</p> <p>+ Ranh giới về bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới đến đầu bãi Nà Sa thuộc xã Hoàn Mô mốc giới số 1313(2) (tọa độ 21°36'53,195" vĩ độ Bắc, 107°29'49,594" kinh độ Đông).</p> <p>+ Chiều sâu vào nội địa là 01 km tính từ các vị trí có tọa độ nêu trên.</p> <p>- Trên đường 18C ranh giới được tính từ đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu đến hết địa giới hành chính xã Hoàn Mô và hành lang mỗi bên cách đường 18C là 01 km.</p>
04	Cửa khẩu Bắc Phong Sinh	<p>- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia, giới hạn từ mốc giới số 1342(2) (tọa độ 21°36'51,950" vĩ độ Bắc, 107°41'56,865" kinh độ Đông) đến mốc giới số 1344/1(2) (tọa độ 21°37'50,819" vĩ độ Bắc, 107°43'56,667" kinh độ Đông).</p> <p>- Chiều sâu vào nội địa là 01 km tính từ vị trí các mốc giới nêu trên.</p> <p>- Trên đường 18B ranh giới được tính từ đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu sâu vào nội địa đến cột Km số 16.</p>

2. Tại tỉnh Lạng Sơn

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Hữu Nghị	<p>- Chính diện trùng với đường biên giới từ mốc giới số 1114 (tọa độ 21°58'12,413" vĩ độ Bắc, 106°42'28,406" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới đến mốc giới số 1121 (tọa độ 21°58'19,949" vĩ độ Bắc, 106°42'54,029" kinh độ Đông), dài khoảng 1,450 km.</p> <p>- Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1114 đi dọc theo đường biên giới đến mốc giới số 1110 (tọa độ 21°57'37,392" vĩ độ Bắc, 106°41'56,223" kinh độ Đông) sau đó cắt sang đỉnh đồi có (tọa độ 21°57'33,574" vĩ độ Bắc, 106°41'57,662" kinh độ Đông) đi</p>

		<p>theo sườn đồi đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°57'13,631" vĩ độ Bắc, 106°42'5,639" kinh độ Đông) cạnh đường quốc lộ 1A cũ, về đến điểm cắm biển báo khu vực cửa khẩu bên phải đường quốc lộ 1A mới có (tọa độ 21°57'4,142" vĩ độ Bắc, 106°42'11,387" kinh độ Đông).</p> <p>- Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1121 đi theo khe đồi đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°58'9,401" vĩ độ Bắc, 106°42'52,375" kinh độ Đông) bên phải đường Tỉnh lộ 235 đi theo bên trái chỉ giới đường sắt đến điểm có (tọa độ 21°57'3,923" vĩ độ Bắc, 106°42'13,003" kinh độ Đông) về đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°57'4,142" vĩ độ Bắc, 106°42'11,387" kinh độ Đông) bên phải đường quốc lộ 1A mới.</p> <p>- Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1116 (tọa độ 21°58'25,419" vĩ độ Bắc, 106°42'40,798" kinh độ Đông) đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°57'4,142" vĩ độ Bắc, 106°42'11,387" kinh độ Đông), bên phải đường quốc lộ 1A mới, dài khoảng 2.750 m.</p>
02	Cửa khẩu Tân Thanh	<p>- Chính diện đường biên giới: Từ mốc giới số 1088/2 + 120 m (tọa độ 22°00'32,053" vĩ độ Bắc, 106°41'20,034" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới đến mốc giới số 1091 + 140 m (tọa độ 22°00'04,071" vĩ độ Bắc, 106°40'58,561" kinh độ Đông), dài khoảng 1,1 km.</p> <p>- Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1088/2 + 120 m chạy dọc theo sườn đồi đến đỉnh đồi có (tọa độ 22°00'44,576" vĩ độ Bắc, 106°41'0,245" kinh độ Đông) chạy dọc sông núi đến điểm có (tọa độ 22°00'34,320" vĩ độ Bắc, 106°40'12,308" kinh độ Đông) ra đến suối Bản Thầu chạy dọc theo đường 230A ra đến điểm cắm biển phạm vi khu vực cửa khẩu (ngã ba Pác Luống) (tọa độ 21°59'54,409" vĩ độ Bắc, 106°39'11,958" kinh độ Đông).</p> <p>- Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1091 + 140 m cắt thẳng sang đỉnh núi có (tọa độ 22°00'14,513" vĩ độ Bắc, 106°39'53,430" kinh độ Đông), sau đó đến đỉnh núi có (tọa độ 22°00'23,729" vĩ độ Bắc, 106°39'53,207" kinh độ Đông), sau đó cắt thẳng ra đường 230A ôm cạnh trục đường ra đến vị trí cắm</p>

		<p>biên phạm vi khu vực cửa khẩu (ngã ba Pác Luông) (tọa độ 21°59'54,409" vĩ độ Bắc, 106°39'11,958" kinh độ Đông).</p> <p>- Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1090 (tọa độ 22°00'10,504" vĩ độ Bắc, 106° 40'58,992" kinh độ Đông) đi vào nội địa qua công Đồn Biên phòng Tân Thanh ra ngã ba Pác Luông có (tọa độ 21°59'54,409" vĩ độ Bắc, 106°39'11,958" kinh độ Đông), dài khoảng 3,8 km.</p>
03	Cửa khẩu Cốc Nam	<p>- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1103/1 (tọa độ 21°57'50,349" vĩ độ Bắc, 106°41'30,442" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới đến mốc giới số 1107 (tọa độ 21°57'43,879" vĩ độ Bắc, 106°41'40,948" kinh độ Đông), dài khoảng 750 m.</p> <p>- Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1103/1 đi theo sườn núi ra quốc lộ 4A, (tọa độ 21°57'43,025" vĩ độ Bắc, 106°41'26,657" kinh độ Đông) sau đó đi dọc theo quốc lộ 4A đến điểm cắm biên phạm vi khu vực cửa khẩu (ngã ba đường rẽ vào cửa khẩu Cốc Nam) (tọa độ 21°57'34,775" vĩ độ Bắc, 106°41'34,758" kinh độ Đông) chạy dọc theo quốc lộ đến tọa độ (21°57'17,087" vĩ độ Bắc, 106°41'27,252" kinh độ Đông) dốc Tềnh Tạm.</p> <p>- Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1107 (tọa độ 21°57'43,879" vĩ độ Bắc, 106°41'40,948" kinh độ Đông) chạy dọc theo điểm tiếp giáp địa giới hành chính giữa huyện Văn Lãng và huyện Cao Lộc đến (tọa độ 21°57'19,242" vĩ độ Bắc, 106°41'35,056" kinh độ Đông) cắt sang (tọa độ 21°57'17,087" vĩ độ Bắc, 106°41'27,252" kinh độ Đông) dốc Tềnh Tạm.</p> <p>- Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1104 (tọa độ 21°57'52,450" vĩ độ Bắc, 106°41'36,536" kinh độ Đông) đến vị trí cắm biên báo khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°57'34,775" vĩ độ Bắc, 106°41'34,758" kinh độ Đông), dài khoảng 850 m.</p>
04	Cửa khẩu Chi Ma	<p>- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1220/2 (tọa độ 21°49'20,286" vĩ độ Bắc, 107°01'25,506" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới quốc gia đến mốc giới số 1239 (tọa độ 21°48'31,646" vĩ độ Bắc, 107°04'21,782" kinh độ Đông), dài khoảng 5,8 km.</p>

		<p>- Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1220/2 theo sườn đồi đến các điểm có (tọa độ 21°49'6,168" vĩ độ Bắc, 107°01'0,757" kinh độ Đông), (tọa độ 21°48'33,615" vĩ độ Bắc, 107°00'55,294" kinh độ Đông) về đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°48'33,615" vĩ độ Bắc, 107°00'59,642" kinh độ Đông) bên ngoài ngã ba đường rẽ đi Nà Quân, Nà Phát khoảng 100 m.</p> <p>- Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1239 đi dọc theo sông Bản Thín ra đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°48'12,656" vĩ độ Bắc, 107°03'36,833" kinh độ Đông) sau đó đi dọc theo sông Bản Thín cắt lên điểm có (tọa độ 21°48'6,413" vĩ độ Bắc, 107°03'1,605" kinh độ Đông), rồi chạy đến biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°48'4,406" vĩ độ Bắc, 107°02'52,686" kinh độ Đông), sau đó kéo thẳng sang biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu tiếp theo có (tọa độ 21°48'13,771" vĩ độ Bắc, 107°02'27,491" kinh độ Đông), rồi chạy dọc theo sông Bản Thín đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°48'33,726" vĩ độ Bắc, 107°01'57,613" kinh độ Đông), tiếp tục chạy dọc theo sông Bản Thín rồi cắt qua điểm đường đi Nà Phát (tọa độ 21°48'35,398" vĩ độ Bắc, 107°01'36,989" kinh độ Đông), đến điểm có (tọa độ 21°48'30,660" vĩ độ Bắc, 107°01'30,46" kinh độ Đông) từ đây chạy thẳng đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu có (tọa độ 21°48'33,615" vĩ độ Bắc, 107°00'59,642" kinh độ Đông) bên ngoài ngã ba đường rẽ đi Nà Quân và Nà Phát khoảng 100 m.</p> <p>- Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1224 (tọa độ 21°49'10,251" vĩ độ Bắc, 107°01'39,111" kinh độ Đông) đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu có (tọa độ 21°48'33,615" vĩ độ Bắc, 107°00'59,642" kinh độ Đông) bên ngoài ngã ba đường rẽ đi Nà Quân và Nà Phát khoảng 100 m, dài khoảng 1,55 km.</p>
05	Cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế Đồng Đăng	<p>- Diện tích cửa khẩu quốc tế ga Đồng Đăng khoảng 56.000 m², bao gồm: Khu vực trung tâm, bao gồm trụ sở làm việc ga (phòng chờ làm thủ tục hành khách, làm việc của nhà ga và các cơ quan chức năng), quảng trường ga, phòng đợi tàu; khu đầu máy; cung đường sắt và toàn bộ bãi hóa trường (khu nhà chuyển hàng hóa từ</p>

		<p>phương tiện ô tô sang tàu hỏa và từ tàu hỏa sang ô tô). Ngoài phạm vi các khu vực cửa khẩu trên còn thêm đoạn đường hộ tổng từ nhà ga đến điểm dừng đầu ghi trên biên giới theo phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt dài khoảng 3,4 km.</p>
<p>06</p>	<p>Cửa khẩu Bình Nghi</p>	<p>- Chính diện trùng với đường biên giới quốc gia: Từ mốc giới số 1030 (tọa độ 22°14'33,372" vĩ độ Bắc, 106°41'28,721" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới đến mốc giới số 1038 (tọa độ 22°12'10,226" vĩ độ Bắc, 106°40'49,268" kinh độ Đông).</p> <p>- Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1030 chạy dọc sông núi hướng Tây Nam cắt qua các điểm đồi có (tọa độ 22°14'18,454" vĩ độ Bắc, 106°41'24,543" kinh độ Đông), (tọa độ 22°14'5,410" vĩ độ Bắc, 106°41'20,307" kinh độ Đông), (tọa độ 22°13'57,161" vĩ độ Bắc, 106°41'25,769" kinh độ Đông), (tọa độ 22°13'46,570" vĩ độ Bắc, 106°41'19,861" kinh độ Đông), (tọa độ 22°13'34,195" vĩ độ Bắc, 106°41'30,898" kinh độ Đông), đi theo sông núi hướng Đông Nam đến gần suối Khuôn Lạn (tọa độ 22°13'17,807" vĩ độ Bắc, 106°41'48,846" kinh độ Đông), sau đó theo hướng Tây Nam cắt đến các điểm có (tọa độ 22°12'58,632" vĩ độ Bắc, 106°41'25,324" kinh độ Đông), (tọa độ 22°12'38,342" vĩ độ Bắc, 106°41'20,753" kinh độ Đông), chạy đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°12'22,177" vĩ độ Bắc, 106°41'2,024" kinh độ Đông).</p> <p>- Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1038 theo hướng Tây cắt thẳng đến đồi có (tọa độ 22°12'8,242" vĩ độ Bắc, 106°40'23,673" kinh độ Đông), sau đó theo hướng Nam Tây Nam dọc theo sông Kỳ Cùng đến Bến Nà Mẩn (tọa độ 22°11'34,685" vĩ độ Bắc, 106°39'30,719" kinh độ Đông) theo hướng Đông cắt thẳng qua sông có (tọa độ 22°11'36,246" vĩ độ Bắc, 106°39'36,070" kinh độ Đông), chạy dọc sông Kỳ Cùng đến điểm có (tọa độ 22°12'33,214" vĩ độ Bắc, 106°40'26,126" kinh độ Đông), theo hướng Đông đến đồi có (tọa độ 22°12'30,650" vĩ độ Bắc, 106°40'44,855" kinh độ Đông), theo hướng Đông Nam đến vị trí điểm cắm biển báo khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°12'22,177" vĩ độ Bắc, 106°41'2,024" kinh độ Đông).</p>

09846591

		- Chiều sâu khu vực cửa khẩu: Bắt đầu từ mốc giới số 1033/1 (tọa độ 22°13'23,735" vĩ độ Bắc, 106°41'57,520" kinh độ Đông) đến các điểm đò có (tọa độ 22°12'59,301" vĩ độ Bắc, 106°41'25,769" kinh độ Đông) và (tọa độ 22°12'38,788 vĩ độ Bắc, 106°41'22,313" kinh độ Đông) đến vị trí biển báo khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°12'22,177" vĩ độ Bắc, 106°41'2,024" kinh độ Đông).
07	Cửa khẩu Pò Nhùng	<p>- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1138/1 + 75 m (tọa độ 22°00'35,100" vĩ độ Bắc, 106°46'24,109" kinh độ Đông), đi theo đường biên giới đến mốc giới số 1142 (tọa độ 22°00'16,460" vĩ độ Bắc, 106°46'42,204" kinh độ Đông) dài khoảng 900 m (thuộc thôn Pò Nhùng, xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc).</p> <p>- Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1138/1 + 75 m đi theo khe và len qua các điểm đò có (tọa độ 22°00'27,761" vĩ độ Bắc, 106°46'24,889" kinh độ Đông), (tọa độ 22°00'18,322" vĩ độ Bắc, 106°46'13,667" kinh độ Đông), (tọa độ 22°00'14,308" vĩ độ Bắc, 106°46'20,058" kinh độ Đông), (tọa độ 22°00'5,761" vĩ độ Bắc, 106°46'11,437" kinh độ Đông) sau đó đi theo sườn đò đến điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu đầu bản Pò Nhùng (tọa độ 21°59'59,741" vĩ độ Bắc, 106°46'17,829" kinh độ Đông).</p> <p>- Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1142 đi theo sườn đò đến các điểm có (tọa độ 22°00'8,288" vĩ độ Bắc, 106°46'33,808" kinh độ Đông), (tọa độ 22°00'0,039" vĩ độ Bắc, 106°46'35,592" kinh độ Đông) vào đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu đầu bản Pò Nhùng (tọa độ 21°59'59,741" vĩ độ Bắc, 106°46'17,829" kinh độ Đông).</p> <p>- Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1140 (tọa độ 22°00'25,103" vĩ độ Bắc, 106°46'35,529" kinh độ Đông) đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°59'59,741" vĩ độ Bắc, 106°46'17,829" kinh độ Đông), dài khoảng 01 km.</p>
08	Cửa khẩu Co Sâu	- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1181/2 (tọa độ 21°55'53,352" vĩ độ Bắc, 106°56'49,513" kinh độ Đông) đi theo đường biên giới đến mốc giới số 1182 + 225 m (tọa độ 21°55'53,638" vĩ độ Bắc, 106°56'48,880" kinh độ Đông), dài khoảng 350 m.

		<p>- Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1181/2 chạy theo sườn đồi đến khe có (tọa độ 21°55'46,354" vĩ độ Bắc, 106°56'37,955" kinh độ Đông), sau đó qua Đông đồi đến đầu bản Co Sâu điểm có (tọa độ 21°55'31,713" vĩ độ Bắc, 106°56'41,151" kinh độ Đông) và cắt chéo đến vị trí cấm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (bên phải trục đường 230) (tọa độ 21°55'25,767" vĩ độ Bắc, 106°56'49,475" kinh độ Đông).</p> <p>- Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1182 + 225 m chạy thẳng theo sườn đồi lên đỉnh đồi có (tọa độ 21°55'27,030" vĩ độ Bắc, 106°56'58,839" kinh độ Đông), sau đó cắt chéo sang sườn đồi có (tọa độ 21°55'23,537" vĩ độ Bắc, 106°56'50,590" kinh độ Đông) và chạy thẳng đến điểm cấm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°55'25,767" vĩ độ Bắc, 106°56'49,475" kinh độ Đông).</p> <p>- Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1182 đến vị trí cấm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°55'25,767" vĩ độ Bắc, 106°56'49,475" kinh độ Đông), dài khoảng 800 m.</p>
<p>09</p>	<p>Cửa khẩu Nà Nưa</p>	<p>- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 971 (tọa độ 22°22'55,165" vĩ độ Bắc, 106°34'56,215" kinh độ Đông) đến mốc giới số 979 (tọa độ 22°21'21,992" vĩ độ Bắc, 106°33'41,834" kinh độ Đông).</p> <p>- Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 971 cắt thẳng đến đồi có (tọa độ 22°22'43,386" vĩ độ Bắc, 106°34'40,209" kinh độ Đông); (tọa độ 22°22'49,196" vĩ độ Bắc, 106°34'30,250" kinh độ Đông) về đến điểm cấm biển báo khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°22'46,025" vĩ độ Bắc, 106°34'16,377" kinh độ Đông).</p> <p>- Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 979 đến vị trí cấm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°21'20,626" vĩ độ Bắc, 106°33'40,798" kinh độ Đông), sau đó chạy dọc theo đường tuần tra biên giới đến sườn đồi có (tọa độ 22°22'18,238" vĩ độ Bắc, 106°34'35,982" kinh độ Đông) từ đó cắt thẳng đến điểm có (tọa độ 22°22'42,219" vĩ độ Bắc, 106°34'11,196" kinh độ Đông), về đến điểm cấm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°22'46,025" vĩ độ Bắc, 106°34'16,377" kinh độ Đông).</p>

		<p>- Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 972 (tọa độ 22°22'24,322" vĩ độ Bắc, 106°34'54,603" kinh độ Đông) đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°22'46,025" vĩ độ Bắc, 106°34'16,377" kinh độ Đông), dài khoảng 1,36 km.</p>
10	Cửa khẩu Na Hình	<p>- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1054/1 (tọa độ 22°08'06,992" vĩ độ Bắc, 106°41'28,565" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới đến mốc giới số 1059 (tọa độ 22°07'49,747" vĩ độ Bắc, 106°41'35,409" kinh độ Đông), dài khoảng 800 m.</p> <p>- Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1054/1 cắt thẳng đến điểm đò có (tọa độ 22°08'04,429" vĩ độ Bắc, 106°41'18,962" kinh độ Đông), sau đó cắt thẳng ra điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (bên phải trục đường 230) (tọa độ 22°07'59,651" vĩ độ Bắc, 106°41'18,632" kinh độ Đông).</p> <p>- Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1059 cắt thẳng đến khe đò có (tọa độ 22°07'49,703" vĩ độ Bắc, 106°41'21,902" kinh độ Đông), sau đó chạy ngược lên sườn đò đến điểm có (tọa độ 22°07'57,729" vĩ độ Bắc, 106°41'18,582" kinh độ Đông) sau đó chạy thẳng ra điểm cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu có (tọa độ 22°07'59,651" vĩ độ Bắc, 106°41'18,632" kinh độ Đông).</p> <p>- Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1056 (tọa độ 22°08'02,385" vĩ độ Bắc, 106°41'37,853" kinh độ Đông) đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 22°07'59,651" vĩ độ Bắc, 106°41'18,632" kinh độ Đông), dài khoảng 650 m.</p>
11	Cửa khẩu Nà Căng	<p>- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1248/2 (tọa độ 21°46'56,896" vĩ độ Bắc, 107°07'11,286" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới quốc gia đến mốc giới số 1251 (tọa độ 21°46'36,067" vĩ độ Bắc, 107°07'32,952" kinh độ Đông) dài khoảng 1,1 km (thuộc thôn Nà Căng, xã Tam Gia, huyện Lộc Bình).</p> <p>- Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1248/2 cắt thẳng đến đỉnh đò có (tọa độ 21°46'48,486" vĩ độ Bắc, 107°06'57,391" kinh độ</p>

		<p>Đông), sau đó cắt qua suối Nà Căng đến đồi có (tọa độ 21°46'34,308" vĩ độ Bắc, 107°06'48,995" kinh độ Đông) và chạy theo sườn đồi đến vị trí cấm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu, (tọa độ 21°46'23,737" vĩ độ Bắc, 107°06'58,060" kinh độ Đông).</p> <p>- Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới số 1251 tọa độ cắt thẳng đến điểm đồi có (tọa độ 21°46'15,710" vĩ độ Bắc, 107°07'16,454" kinh độ Đông), sau đó cắt sang đỉnh đồi có (tọa độ 21°46'14,707" vĩ độ Bắc, 107°07'8,595" kinh độ Đông) và cắt thẳng đến vị trí cấm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu, (tọa độ 21°46'23,737" vĩ độ Bắc, 107°06'58,060" kinh độ Đông).</p> <p>- Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1250 (tọa độ 21°46'40,189" vĩ độ Bắc, 107°07'27,414" kinh độ Đông) đến vị trí cấm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu có (tọa độ 21°46'23,737" vĩ độ Bắc, 107°06'58,060" kinh độ Đông), dài khoảng 01 km.</p>
<p>12</p>	<p>Cửa khẩu Bản Chắt</p>	<p>- Chính diện trùng với đường biên giới: Từ mốc giới số 1268 (tọa độ 21°43'47,695" vĩ độ Bắc, 107°11'50,667" kinh độ Đông) chạy dọc theo đường biên giới quốc gia đến mốc giới số 1271 + 300 m (tọa độ 21°43'10,900" vĩ độ Bắc, 107°11'59,175" kinh độ Đông), dài khoảng 1,35 km (thuộc thôn Bản Chắt, xã Bính Xá, huyện Đình Lập).</p> <p>- Tiếp giáp bên trái: Từ mốc giới số 1268 chạy thẳng đến sườn đồi có (tọa độ 21°43'21,936" vĩ độ Bắc, 107°11'27,848" kinh độ Đông), cắt sang điểm đồi có (tọa độ 21°43'10,342" vĩ độ Bắc, 107° 11'30,524" kinh độ Đông), sau đó bám theo quốc lộ 31 về đến điểm cấm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°42'31,323" vĩ độ Bắc, 107°11'12,798" kinh độ Đông), bên phải quốc lộ 31.</p> <p>- Tiếp giáp bên phải: Từ mốc giới 1271 + 300 m chạy thẳng đến điểm đồi có (tọa độ 21°42'41,803" vĩ độ Bắc, 107°11'44,459" kinh độ Đông), tiếp theo chạy đến đồi có (tọa độ 21°42'38,347" vĩ độ Bắc, 107°11'23,723" kinh độ Đông) và về đến điểm cấm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°42'31,323" vĩ độ Bắc, 107°11'12,798" kinh độ Đông).</p>

09846591

	- Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu: Từ mốc giới số 1270 (tọa độ 21°43'20,214" vĩ độ Bắc, 107°11'47,091" kinh độ Đông) đến vị trí cắm biển báo phạm vi khu vực cửa khẩu (tọa độ 21°42'31,323" vĩ độ Bắc, 107°11'12,798" kinh độ Đông), dài khoảng 02 km.
--	---

3. Tại tỉnh Cao Bằng

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Tà Lùng	<p>- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu, giới hạn từ mốc giới số 943(2) (tọa độ 22°28'26,433" vĩ độ Bắc, 106°34'47,983" kinh độ Đông) thuộc Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng (đối diện là Thủy Khẩu - Long Châu - Quảng Tây - Trung Quốc).</p> <p>- Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên phải là 2,1 km từ mốc giới số 943(2) (tọa độ 22°28'26,433" vĩ độ Bắc, 106°34'47,983" kinh độ Đông) đến mốc giới số 947 (tọa độ 22°28'29,703" vĩ độ Bắc, 106°34'15,210" kinh độ Đông) thuộc làng Nà Thắm, xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên trái là 04 km từ mốc giới số 943(2) (tọa độ 22°28'26,433" vĩ độ Bắc, 106°34'47,983" kinh độ Đông) đến mốc giới số 941(2) (tọa độ 22°30'59,062" vĩ độ Bắc, 106°34'54,638" kinh độ Đông) thuộc làng Lũng Om, xã Đại Sơn, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Chiều sâu vào nội địa và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu là 4,5 km từ mốc giới số 943(2) cầu cửa khẩu (tọa độ 22°28'26,433" vĩ độ Bắc, 106°34'47,983" kinh độ Đông) đến xóm Phía Xiếp, thị trấn Hòa Thuận - Phục Hòa - Cao Bằng.</p>
02	Cửa khẩu Trà Lĩnh	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu giới hạn từ mốc giới số 741 (tọa độ 22°52'24,276" vĩ độ Bắc, 106°19'25,581" kinh độ Đông) đến mốc giới số 742 (tọa độ 22°52'24,611" vĩ độ Bắc, 106°19'26,302" kinh độ Đông).

		<ul style="list-style-type: none"> - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên phải là 1,5 km đến làng bản Hía. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên trái là 03 km quốc giới số 734 (tọa độ 22°51'50,803" vĩ độ Bắc, 106°18'40,382" kinh độ Đông). - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu là 3,5 km đến làng Tổng Moòng.
03	Cửa khẩu Sóc Giang	<ul style="list-style-type: none"> - Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu, giới hạn từ mốc giới số 647 (tọa độ 22°56'32,483" độ vĩ Bắc, 105°59'40,961" kinh độ Đông) đến mốc giới số 648 (tọa độ 22°56'32,831" vĩ độ Bắc, 105°59'42,601" kinh độ Đông). - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên phải đến mốc giới số 651 (tọa độ 22°56'27,646" vĩ độ Bắc, 105°59'52,406" kinh độ Đông). - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên trái đến mốc giới số 638 (tọa độ 22°56'25,598" vĩ độ Bắc, 105°57'20,392" kinh độ Đông) đến làng Lũng Pươi. - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu là 05 km đến làng Kép Ké.
04	Cửa khẩu Pò Peo	<ul style="list-style-type: none"> - Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu, giới hạn từ mốc giới số 785 (tọa độ 22°56'48,288" vĩ độ Bắc, 106°31'06,420" kinh độ Đông) đến mốc giới số 793 (tọa độ 22°56'15,013" vĩ độ Bắc, 106°32'25,169" kinh độ Đông). - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên phải là 01 km đến mốc giới số 793. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới từ mốc giới số 785 về bên trái là 03 km đến bờ sông Quây Sơn. - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu là 04 km đến làng Khưa Hoi.

05	Cửa khẩu Bí Hà	<ul style="list-style-type: none"> - Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu, giới hạn từ mốc giới số 911 (tọa độ 22°35'10,269" vĩ độ Bắc, 106°43'13,044" kinh độ Đông) đến mốc giới số 912 (tọa độ 22°35'09,215" vĩ độ Bắc, 106°43'11,522" kinh độ Đông). - Ranh giới bên phải được tính từ đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên phải là 3,1 km đến mốc giới số 920 (tọa độ 22°35'00,041" vĩ độ Bắc, 106°41'46,972" kinh độ Đông) - làng Cốc Nhan. - Ranh giới bên trái được tính từ đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên trái là 2,1 km đến mốc giới số 906/2 (tọa độ 22°35'51,026" vĩ độ Bắc, 106°43'44,709" kinh độ Đông) - làng Pò Mẩn. - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu là 02 km đến làng Tổng Nưa.
6	Cửa khẩu Lý Vạn	<ul style="list-style-type: none"> - Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu, giới hạn từ mốc giới số 845 (tọa độ 22°49'14,279" vĩ độ Bắc, 106°48'25,664" kinh độ Đông) đến mốc giới số 855 (tọa độ 22°47'05,956" vĩ độ Bắc, 106°49'21,086" kinh độ Đông). - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên phải đến mốc giới số 855. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu chạy dọc theo đường biên giới về bên trái đến mốc giới số 845. - Chiều sâu và tiếp giáp phía sau khu vực cửa khẩu là 2,5 km đến làng Bản Khoòng.

4. Tại tỉnh Hà Giang

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Thanh Thủy	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia mốc giới số 261(2) (tọa độ 22°56'12,727" vĩ độ Bắc, 104°50'58,426" kinh độ Đông), lấy tâm đường quốc lộ 2 từ thành phố Hà Giang đi Cửa khẩu Thanh Thủy làm trục chính.

		<ul style="list-style-type: none"> - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu mốc giới số 261(2) chạy dọc theo đường biên giới về phía bên phải là 01 km. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu mốc giới số 261(2) chạy dọc theo đường biên giới về phía bên trái là 02 km. - Chiều sâu vào nội địa: Được tính từ tâm đường biên giới quốc gia vào sâu nội địa là 17,5 km (đến khu vực cầu UBND xã Phương Độ).
02	Cửa khẩu Phó Bảng	<ul style="list-style-type: none"> - Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu phụ Phó Bảng mốc giới số 394 (tọa độ 23°16'33,500" vĩ độ Bắc, 105°11'53,624" kinh độ Đông), lấy tâm đường giao thông từ ngã ba Đồng Văn - Phó Bảng đi cửa khẩu Phó Bảng làm trục chính. - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia mốc giới số 394 chạy dọc theo đường biên giới về phía bên phải là 01 km. - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia mốc giới số 394 chạy dọc theo đường biên giới về phía bên trái là 01 km. - Chiều sâu vào nội địa: Được tính từ tâm đường biên giới quốc gia vào sâu nội địa là 08 km (đến cột mốc Km 118 ngã ba Phó Bảng - Đồng Văn).
03	Cửa khẩu Săm Pun	<ul style="list-style-type: none"> - Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu phụ Săm Pun mốc giới số 476 (tọa độ 23°14'43,803" vĩ độ Bắc, 105°28'49,872" kinh độ Đông), lấy tâm đường giao thông từ ngã ba Xín Cái - Sơn Vĩ đi cửa khẩu Săm Pun làm trục chính. - Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia mốc giới số 476 chạy dọc theo đường biên giới về phía bên phải là 3,2 km đến mốc giới số 485 (tọa độ 23°13'24,002" vĩ độ Bắc, 105°29'30,86" kinh độ Đông) thuộc xã Xín Cái, huyện Mèo Vạc). - Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia mốc giới số 476 chạy dọc theo đường biên giới về phía bên trái là 8,3 km đến mốc quốc giới số 450 (tọa độ

		<p>23°18'02,591" vĩ độ Bắc, 105°26'12,570" kinh độ Đông) tại thôn Mỏ Phàng, xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc).</p> <p>- Chiều sâu vào nội địa: Được tính từ tâm đường biên giới quốc gia vào sâu nội địa là 03 km (đến ngã ba đường đi Xín Cái - Sơn Vĩ).</p>
4	Cửa khẩu Xín Mần	<p>- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu phụ Xín Mần mốc giới số 198 (tọa độ 22°47'21,445" vĩ độ Bắc, 104°30'46,386" kinh độ Đông), lấy tâm đường giao thông từ trung tâm xã Xín Mần đi cửa khẩu Xín Mần làm trục chính.</p> <p>- Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia (mốc giới số 198) 2 chạy dọc theo đường biên giới về phía bên phải là 900 m.</p> <p>- Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia (mốc giới số 198) chạy dọc theo đường biên giới về phía bên trái là 1,2 km.</p> <p>- Chiều sâu vào nội địa: Được tính từ tâm đường biên giới quốc gia vào sâu nội địa là 09 km (đến trạm y tế xã Xín Mần và bệnh xá đoàn kinh tế 314 Quốc phòng).</p>

5. Tại tỉnh Lào Cai

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Lào Cai	<p>- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia, giới hạn từ mốc giới số 100(2) (tọa độ 22°30'56,782" vĩ độ Bắc, 103°56'57,074" kinh độ Đông) đến mốc giới số 101(2) (tọa độ 22°30'22,048" vĩ độ Bắc, 103°57'54,127" kinh độ Đông), 102(2) (tọa độ 22°30'26,410" vĩ độ Bắc, 103°57'54,064" kinh độ Đông) thuộc phạm vi phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.</p> <p>- Ranh giới về phía bên phải cửa khẩu, được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu nối tiếp liên tục đến các điểm sau: Toàn bộ địa giới hành chính của phường Lào Cai, thành phố Lào Cai đến hết địa giới hành chính của xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.</p>

		- Ranh giới về phía bên trái cửa khẩu, được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu nối tiếp liên tục đến các điểm sau: Toàn bộ địa giới hành chính của phường Duyên Hải và xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai đến hết địa giới hành chính của thôn Kim Thành 1 và thôn Kim Thành 2, thôn Làng Hang, thôn An Quang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
02	Ga liên vận quốc tế đường sắt Lào Cai	- Toàn bộ khu vực trong phạm vi của hai đầu ghi của ga và khu vực nằm trong phạm vi tường rào ga Lào Cai. - Từ khu vực ga liên vận quốc tế đường sắt Lào Cai đến đường phân định biên giới quốc gia tại ray đường sắt trên cầu Hồ Kiều I, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai (tọa độ 22°30'31,097" vĩ độ Bắc, 103°57'53,255" kinh độ Đông) trong khu vực mốc giới số 103 (2) và toàn bộ địa giới hành chính của phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
03	Cửa khẩu Mường Khương	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia, giới hạn từ mốc giới số 144 (tọa độ 22°48'42,034" vĩ độ Bắc, 104°07'51,196" kinh độ Đông) đến mốc giới số 145 (tọa độ 22°48'41,813" vĩ độ Bắc, 104°07'52,190" kinh độ Đông). - Toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.
04	Cửa khẩu Bản Vược	Toàn bộ địa giới hành chính của xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

6. Tại tỉnh Lai Châu, Sơn La, Điện Biên

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Ma Lù Thàng	Là toàn bộ địa giới hành chính xã Ma Li Pho và xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.
02	Cửa khẩu Tây Trang	- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu. - Trục chính của cửa khẩu là con đường qua cạnh mốc giới số 113

		<p>(tọa độ 21°13'03,160" vĩ độ Bắc, 102°54'29,326" kinh độ Đông) nối liền hai bên Tây Trang (Điện Biên - Việt Nam) và Pang Hóc (Phongxaly - Lào).</p> <p>- Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu (tâm mốc giới số 113) chạy dọc theo đường biên giới về bên phải là 03 km.</p> <p>- Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu (tâm mốc giới số 113) chạy dọc theo đường biên giới về bên trái là 03 km.</p> <p>- Chiều sâu vào nội địa dọc theo trục đường quốc lộ 279 tính từ mốc giới số 113 (Km 0) đến Km 12 (đỉnh đèo Tây Trang).</p>
03	Cửa khẩu Chiềng Khương	Là toàn bộ địa giới hành chính xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.
04	Cửa khẩu Lóng Sập	Là toàn bộ địa giới hành chính xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.
05	Cửa khẩu Huổi Puốc	<p>- Ranh giới chính diện trùng với đường biên giới quốc gia tại cửa khẩu.</p> <p>- Trục chính của cửa khẩu là con đường qua cạnh mốc giới số 144 (tọa độ 20°53'58,615" vĩ độ Bắc, 103°12'49,456" kinh độ Đông) nối liền hai bên Huổi Puốc (Việt Nam) và Na Son (Lào).</p> <p>- Ranh giới bên phải được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu (tâm mốc giới số 144) chạy dọc theo đường biên giới về bên phải là 500 m.</p> <p>- Ranh giới bên trái được tính từ tâm đường phân định biên giới quốc gia tại cửa khẩu (tâm mốc giới số 144) chạy dọc theo đường biên giới về bên trái là 500 m.</p> <p>- Chiều sâu vào nội địa tính từ mốc giới số 144 (Km) dọc theo trục đường từ cửa khẩu về huyện Điện Biên đến đầu cầu bê tông gần cổng Đồn Biên phòng cửa khẩu Huổi Puốc (tức từ Km 0 đến Km 12).</p>
06	Cửa khẩu Nà Cài	Là toàn bộ địa giới hành chính xã Chiềng On, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

7. Tại tỉnh Thanh Hóa

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Na Mèo	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Na Mèo, tính từ giữa cầu Na Mèo là: + Bên phải là 300 m (bản Na Mèo). + Bên trái là 300 m (giáp chân Đồi Quế). + Chiều sâu vào nội địa đến Km 79 trên trục đường 217 (thuộc xã Na Mèo).
02	Cửa khẩu Tén Tẩn	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Tén Tẩn tính từ cột mốc biên giới là: + Bên phải là 50 m (giáp sông Mã). + Bên trái là 300 m (bản Tén Tẩn). + Chiều sâu vào nội địa 02 km tính từ cột mốc biên giới.
03	Cửa khẩu Khẹo	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Khẹo tính từ trạm biên phòng cửa khẩu Khẹo là: + Bên phải 500 m (khu vực Bản Đục). + Bên trái là 500 m (khu vực Bản Ruộng). + Chiều sâu vào nội địa là 06 km (đến bản Hón gần trung tâm Bát Mọt).

8. Tại tỉnh Nghệ An

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Nậm Cắn	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Nậm Cắn là: + Bên phải là 01 km. + Bên trái là 01 km. + Chiều sâu vào nội địa là 05 km dọc theo đường quốc lộ 7.
02	Cửa khẩu Thanh Thủy	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Thanh Thủy là: + Bên phải là 01 km. + Bên trái là 01 km. + Chiều sâu vào nội địa là 05 km dọc theo đường quốc lộ 46.

9. Tại tỉnh Hà Tĩnh

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Cầu Treo	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Cầu Treo tính từ cột mốc giới số 476 (tọa độ 18°23'13,076" vĩ độ Bắc, 105°09'33,223" kinh độ Đông): + Bên phải 650 m. + Bên trái 650 m. + Chiều sâu vào nội địa là 06 km theo trục đường quốc lộ 8A.

10. Tại tỉnh Quảng Bình

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Cha Lo	Trong phạm vi hàng rào đã được xác định tại khu vực Trạm Kiểm soát liên ngành cửa khẩu Cha Lo, phía trước đến cột mốc giới số 528 (tọa độ 17°40'18,873" vĩ độ Bắc, 105°45'55,440" kinh độ Đông). - Ranh giới khu vực cửa khẩu Cha Lo là: + Bên phải là 500 m. + Bên trái là 500 m. + Chiều sâu vào nội địa là 05 km theo quốc lộ 12 A (đến Km 37) thuộc khu vực bản Cha Lo, xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.
02	Cửa khẩu Cà Ròng	Ranh giới tính từ Barie, phía trước 500 m, bên phải 200 m, bên trái 200 m, chiều sâu vào nội địa 500 m theo đường 20.

11. Tại tỉnh Quảng Trị

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Lao Bảo	- Địa giới hành chính của thị trấn Lao Bảo, xã Tân Thành, xã Tân Long thuộc huyện Hướng Hóa. - Địa giới hành chính của các xã Tân Lập, Tân Liên, Tân Hợp và thị trấn Khe Sanh thuộc huyện Hướng Hóa. - Địa giới hành chính của xã Đakrông thuộc huyện Đakrông.
02	Cửa khẩu La Lay	Địa giới hành chính của các xã: A Bung, A Ngo, Tà Rụt thuộc huyện Đakrông.

12. Tại tỉnh Thừa Thiên Huế

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu A Đốt	- Toàn bộ địa giới hành chính xã A Đốt, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.
02	Cửa khẩu Hồng Vân	- Trụ sở làm việc tại cửa khẩu. - Bãi kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. - Ranh giới khu vực cửa khẩu Hồng Vân là: + Bên phải là 01 km. + Bên trái là 01 km. + Chiều sâu: Từ cửa khẩu vào nội địa đến ngã ba đường Hồ Chí Minh 13 km.

13. Tại tỉnh Quảng Nam

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Nam Giang	- Trụ sở làm việc và trạm kiểm soát liên ngành tại cửa khẩu. - Bãi và nhà kiểm tra hàng hóa trong cửa khẩu. - Ranh giới khu vực cửa khẩu Nam Giang là: + Bên phải là 500 m.

		+ Bên trái là 500 m. + <i>Chiều sâu nội địa là 06 km theo hướng quốc lộ 14D.</i>
02	Cửa khẩu Tây Giang	- Trụ sở làm việc tại cửa khẩu. - Bãi và nhà kiểm tra hàng hóa trong cửa khẩu. - Ranh giới khu vực cửa khẩu Tây Giang là: + Bên phải là 200 m. + Bên trái là 200 m. + Chiều sâu nội địa là 500 m.

14. Tại tỉnh Gia Lai và Kon Tum

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Bờ Y	- Ranh giới khu vực cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tính từ barie cửa khẩu là: + Bên phải là 01 km. + Bên trái là 01 km. + Chiều sâu vào nội địa là hết địa phận xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.
02	Cửa khẩu Lệ Thanh	- Ranh giới khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh tính từ barie cửa khẩu: + Bên phải là 01 km. + Bên trái là 01 km. + Chiều sâu vào nội địa là hết địa phận xã IaDom, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

15. Tại tỉnh Đắk Nông và Đắk Lắk

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Buprăng	Cửa khẩu Buprăng thuộc địa giới hành chính xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông, cụ thể: Ranh giới khu vực cửa khẩu Buprăng, tính từ cầu biên giới (Km 0) là:

		<ul style="list-style-type: none"> - Bên phải tọa độ: 12°19'09,266" vĩ độ Bắc, 107°19'29,697" kinh độ Đông. - Bên trái tọa độ 12°19'11,969" vĩ độ Bắc, 107°17'22,342" kinh độ Đông. - Chiều sâu vào nội địa có tọa độ 12°16'27,280" vĩ độ Bắc, 107°18'10,536" kinh độ Đông (song song với quốc lộ 14C đến cầu Đăk Huýt).
02	Cửa khẩu Đăkpeur	<p>Cửa khẩu ĐăkPeur thuộc địa giới hành chính xã Thuận An, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông, cụ thể:</p> <p>Ranh giới khu vực cửa khẩu Đăk Peur, tính từ cầu biên giới Đăk Đam (Km 0) là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên phải tọa độ 12°26'44,215" vĩ độ Bắc, 107°34'09,520" kinh độ Đông (ngã ba suối Đăk peur với suối Đăk Đam). - Bên trái tọa độ 12°22'34,139" vĩ độ Bắc, 107°33'30,322" kinh độ Đông (ngã ba suối Đăk Song). - Chiều sâu vào nội địa theo hướng Đôn Biên phòng 759 đến quốc lộ 14A có tọa độ 12°26'04,849" vĩ độ Bắc, 107°35'52,697" kinh độ Đông theo hướng đường "Hồ Chay" đến quốc lộ 14A có tọa độ 12°22'34,149" vĩ độ Bắc, 107°34'38,150" kinh độ Đông.
3	Cửa khẩu Đăk Ruê	<p>Cửa khẩu Đăk Ruê thuộc địa giới hành chính xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đăk Lăk, cụ thể:</p> <p>Ranh giới khu vực cửa khẩu Đăk Ruê, tính theo tim đường chính ra cửa khẩu là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên phải là 500 m chạy dọc đường biên giới quốc gia có tọa độ 13°10'56,581" vĩ độ Bắc, 107°33'31,315" kinh độ Đông. - Bên trái là 300 m chạy dọc theo đường biên giới quốc gia có tọa độ 13°10'32,463" vĩ độ Bắc, 107°33'21,473" kinh độ Đông. - Chiều sâu vào nội địa dọc theo đường chính giáp quốc lộ 14C là 950 m, có tọa độ 13°10'44,359" vĩ độ Bắc, 107°34'01,560" kinh độ Đông và tọa độ 13°10'19,856" vĩ độ Bắc, 107°33'52,468" kinh độ Đông.

16. Tại tỉnh Bình Phước

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Hoa Lư	<p>- Ranh giới khu vực cửa khẩu Hoa Lư, tính theo tim đường quốc lộ 13 tại cửa khẩu là:</p> <p>+ Bên phải là 500 m.</p> <p>+ Bên trái là 500 m.</p> <p>+ Chiều sâu vào nội địa là 05 km theo đường quốc lộ 13 (tính từ Trạm kiểm soát Liên hợp cửa khẩu quốc tế Hoa Lư đến công trường văn hóa Ấp 7 thuộc xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh).</p>
02	Cửa khẩu Hoàng Diệu	<p>- Ranh giới khu vực cửa khẩu Hoàng Diệu, tính theo tim đường ĐT 748 tại cửa khẩu là:</p> <p>+ Bên phải là 300 m.</p> <p>+ Bên trái là 300 m.</p> <p>+ Chiều sâu vào nội địa là 02 km theo đường ĐT 748 (tính từ Barie kiểm soát).</p>
03	Cửa khẩu Lộc Thịnh	<p>- Ranh giới khu vực cửa khẩu Lộc Thịnh tính theo tim đường ĐT 754 tại cửa khẩu là:</p> <p>+ Bên phải 500 m.</p> <p>+ Bên trái 500 m.</p> <p>Chiều sâu nội địa là 05 km theo đường ĐT 754 (tính từ Trạm gác Barie cửa khẩu Lộc Thịnh đến trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu Lộc Thịnh thuộc Ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh).</p>
04	Cửa khẩu Tân Tiến	<p>- Ranh giới khu vực cửa khẩu Tân Tiến, tính theo tim đường Liên Doanh tại cửa khẩu là:</p> <p>+ Bên phải là 300 m.</p> <p>+ Bên trái là 300 m.</p> <p>+ Chiều sâu vào nội địa là 1,5 km tính từ Barie đến ngã tư đường Liên Doanh và đường tuần tra biên giới.</p>

17. Tại tỉnh Tây Ninh

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Mộc Bài	Toàn bộ địa giới hành chính xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu.
02	Cửa khẩu Xa Mát	Toàn bộ địa giới hành chính xã Tân Lập, huyện Tân Biên.
03	Cửa khẩu Cà Tum	Ranh giới khu vực cửa khẩu Cà Tum tính theo tim đường tại nơi làm việc của hải quan cửa khẩu là: - Bên phải là 200 m. - Bên trái là 550 m. - Chiều sâu vào nội địa là 01 km.
04	Cửa khẩu Tà Nông	- Chính diện: 1.600 m tính từ cột mốc 145 sang bên trái theo đường biên giới từ tọa độ điểm A (4825394029) đến tọa độ điểm C (4740294875). - Chiều sâu: 900 m tính từ biên giới cột mốc 145 theo trục đường vào nội địa đến vị trí cắm biển báo khu vực cửa khẩu, từ tọa độ tọa độ điểm A (4825394029) đến tọa độ điểm D (4778994854). - Bên phải: 580 m tính từ biển báo khu vực cửa khẩu tọa độ điểm D (4778994854) sang bên phải đến tọa độ điểm B (4836494850). - Bên trái: 390 m tính từ biển báo khu vực cửa khẩu tọa độ điểm D (4778994854) sang bên trái đến tọa độ điểm C (4740294875).
05	Cửa khẩu Tân Nam	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.200 m.
06	Cửa khẩu Vàm Trảng Trâu	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.200 m.

07	Cửa khẩu Long Phước	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 900 m.
08	Cửa khẩu Phước Chi	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.000 m.
09	Cửa khẩu Long Thuận	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.000 m.
10	Cửa khẩu Chàng Riệp	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.000 m.
11	Cửa khẩu Cây Gõ	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.000 m.
12	Cửa khẩu Tân Phú	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 800 m.
13	Cửa khẩu Tống Lê Chân	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.000 m.
14	Cửa khẩu Vạc Sa	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.400 m.

15	Cửa khẩu Phước Tân	Ranh giới khu vực cửa khẩu tính theo tim đường ra cửa khẩu: - Bên phải: 500 m. - Bên trái: 500 m. - Chiều sâu: 1.400 m.
----	--------------------	--

18. Tại tỉnh Long An

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Bình Hiệp	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Bình Hiệp, tính từ mốc giới số 211 (tọa độ: 10°50'22,20" vĩ độ Bắc, 105°5'50,02" kinh độ Đông): - Xác định về bên phải là 600 m theo hướng Đông chạy trên đường biên giới; bên trái là 500 m theo hướng Tây chạy trên đường biên giới. - Chiều sâu vào nội địa là 02 km chạy dọc theo quốc lộ 62 thuộc xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường.
02	Cửa khẩu Mỹ Quý Tây	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Mỹ Quý Tây, tính tại điểm giao nhau giữa tim đường Tỉnh lộ 838 và đường biên giới hiện quản: - Xác định về bên phải là 500 m theo hướng Đông - Đông Bắc chạy trên đường biên giới hiện quản; bên trái là 500 m theo hướng Nam - Tây Nam chạy trên đường biên giới hiện quản. - Chiều sâu vào nội địa là 1,3 km chạy dọc theo Tỉnh lộ 838 thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ.
03	Cửa khẩu Hưng Điền A	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Hưng Điền A, tính từ trạm Kiểm soát cửa khẩu (Hải quan - Biên phòng) là: + Bên phải là 01 km. + Bên trái là 500 m. + Chiều sâu vào nội địa là 1,5 km thuộc xã Hưng Điền A, huyện Vĩnh Hưng.

19. Tại tỉnh Đồng Tháp

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Thường Phước	<p>- Ranh giới khu vực cửa khẩu Thường Phước, tính từ trụ sở hải quan cửa khẩu là:</p> <p>+ Đến giữa dòng Sông Tiền phía đối diện (giáp ranh giới tỉnh An Giang).</p> <p>+ Về hướng bắc đến đường biên giới quốc gia.</p> <p>+ Theo hướng Đông - Nam 01 km (chạy dọc theo đường biên giới quốc gia).</p> <p>+ Chiều sâu vào nội địa (về hướng Nam) là 01 km (theo đường ĐT 841).</p>
02	Cửa khẩu Dinh Bà	<p>- Ranh giới khu vực cửa khẩu Dinh Bà, tính từ Trạm trực kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu là:</p> <p>+ Đến đường biên giới Việt Nam - Campuchia.</p> <p>+ Về phía Đông - Bắc 01 km dọc theo đường biên giới quốc gia.</p> <p>+ Về phía Tây - Nam 01 km dọc theo đường biên giới quốc gia.</p> <p>+ Về hướng Đông - Nam 01 km (theo quốc lộ 30).</p>
03	Cửa khẩu Thông Bình	<p>- Ranh giới khu vực cửa khẩu Thông Bình, tính từ trụ sở hải quan cửa khẩu là:</p> <p>+ Đến đường biên giới Việt Nam - Campuchia.</p> <p>+ Về phía Đông đến ranh giới tỉnh Long An.</p> <p>+ Về phía Tây là 01 km.</p> <p>+ Về phía Nam là 01 km (đến đường tuần tra biên giới).</p>
04	Cửa khẩu Sở Thượng	<p>- Ranh giới khu vực cửa khẩu Sở Thượng, tính từ trụ sở hải quan cửa khẩu là:</p> <p>+ Về phía Bắc đến cột mốc số 236 (2).</p> <p>+ Đến đường biên giới trên sông Sở Thượng.</p> <p>+ Về phía Đông - Nam là 01 km.</p> <p>+ Về phía Tây - Nam là 01 km (đến cụm dân cư Giồng Duối).</p> <p>+ Về phía Nam là 01 km.</p>

20. Tại tỉnh An Giang

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Vĩnh Xương	Toàn bộ địa giới hành chính xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu.
02	Cửa khẩu Khánh Bình	Toàn bộ địa giới hành chính: - Thị trấn Long Bình, huyện An Phú. - Ấp Phú Thành và ấp Phú Hòa thuộc xã Phú Hữu, huyện An Phú.
03	Cửa khẩu Bắc Đai	Toàn bộ địa giới hành chính xã Nhơn Hội, huyện An Phú.
04	Cửa khẩu Vĩnh Hội Đông	Toàn bộ địa giới hành chính: - Xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú. - Ba Ấp: Phú Thuận, Phú Mỹ, Phú Nghĩa thuộc xã Phú Hội, huyện An Phú.
05	Cửa khẩu Tịnh Biên	Toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên.

21. Tại tỉnh Kiên Giang

TT	TÊN CỬA KHẨU	RANH GIỚI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA HẢI QUAN
01	Cửa khẩu Hà Tiên	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Hà Tiên, tính từ cửa khẩu biên giới là: + Bên phải là 2,5 km (đến núi đá dựng). + Bên trái là 1,5 km (đến sát bờ biển). + Chiều sâu vào nội địa là 2,7 km (ngã ba đi Bà Lý).
02	Cửa khẩu Giang Thành	- Ranh giới khu vực cửa khẩu Giang Thành tính từ cửa khẩu biên giới là: + Bên phải theo hướng Đông Bắc, dọc Kênh Vĩnh Tế là 04 km (đến công ngăn mặn Đầm Chít). + Bên trái theo hướng Tây Nam, dọc sông Giang Thành là 3,5 km (đến rạch Cái Đồi). + Chiều sâu vào nội địa, dọc theo trục lộ Tân Hòa là 2,5 km (đến cầu Cống Bản).